

Số: 275/2026/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 21 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 307/2026/TL-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1 Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Tổ F, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.**

2. Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **Ấp P, xã P, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà **Lê Thanh T1**, sinh năm 2000; CCCD số: 075300020592;

2. Ông **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 2001; CCCD số: 042201000313;

3. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 2003; CCCD số: 038303024996;

4. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1994; CCCD số: 042094005556;

Cùng địa chỉ: **A đường N, 1, khu P, phường B, thành N** (theo Giấy ủy quyền công chứng số 005033 ngày 06/12/2025).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1973. Địa chỉ thường trú: **Số I, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố Đ.** Địa chỉ hiện nay: **Nhà C đường N, phường B, TP ..**

2 Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: 2.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/6/2025 giữa bà **Nguyễn Thị Lệ T**, bà **Trần Thị Thanh L** với bà **Nguyễn Thị L1** đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

Bà **Nguyễn Thị L1** có trách nhiệm thanh toán cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** và

bà **Trần Thị Thanh L**, tổng số tiền: 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Lệ T** và bà **Trần Thị Thanh L** tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (đã nộp đủ).

3. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị L1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.625.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Lệ T** và bà **Trần Thị Thanh L** số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003207 ngày 03/02/2026 và 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003206 ngày 03/02/2026 tạm ứng án phí đã nộp của Thi hành **án dân sự tỉnh Đ** (nay là Thi hành **án dân sự Thành phố Đ**).

4 Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5 Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Trí